

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



# ***TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN***

**Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**ĐỀ TÀI:** QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ NIN VỀ DÂN TỘC  
VÀ QUAN ĐIỂM CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

**Giảng viên hướng dẫn :** Nguyễn Thế Hùng  
**Sinh viên thực hiện :** Nguyễn Thị Hương Giang  
**Lớp :** 201PLT09A03  
**Mã sinh viên :** 22A4040174

**Hà nội, ngày 18 tháng 01 năm 2021**

# MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>   | <b>1</b>  |
| <b>PHẦN 1. LÍ LUẬN CHỦ NGHĨA MÁC VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC .....</b>            | <b>2</b>  |
| <b>1.1. Khái niệm, đặc trưng, xu hướng dân tộc .....</b>                | <b>2</b>  |
| <i>1.1.1. Khái niệm .....</i>   | <i>2</i>  |
| <i>1.1.2. Những đặc trưng để nhận diện dân tộc .....</i>                | <i>2</i>  |
| <i>1.1.3. Xu hướng của sự phát triển các dân tộc .....</i>              | <i>3</i>  |
| <i>1.1.4. Cương lĩnh .....</i>  | <i>4</i>  |
| <b>1.2. Quan điểm và chính sách của đảng và nhà nước Việt Nam .....</b> | <b>5</b>  |
| <i>1.2.1. Quan điểm .....</i>   | <i>5</i>  |
| <i>1.2.2. Chính sách: .....</i>   | <i>7</i>  |
| <b>PHẦN 2. LIÊN HỆ .....</b>  | <b>8</b>  |
| <b>2.1. Đối với thế giới.....</b>                                       | <b>8</b>  |
| <b>2.2. Đối với sự việc trong nước.....</b>                             | <b>9</b>  |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>   | <b>12</b> |

## MỞ ĐẦU

Hiện nay, thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới nói chung vẫn đang tiếp diễn con đường “phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” tại các nước chủ nghĩa xã hội nói riêng cũng có cơ sở lịch sử, thực tiễn sâu xa, vững chắc, mang tính quy luật khách quan, tất yếu và hoàn toàn khả thi. Việt Nam trong xu thế chung của thế giới cũng đang tiến hành quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Việc nghiên cứu đề tài này sẽ cung cấp cho ta thêm những thông tin quý báu về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước để bước đầu hình thành cho mình những tư duy kinh tế. Qua đó dựa trên những quan điểm của Chủ Nghĩa Mác – Lênin: Xã hội Cộng sản chủ nghĩa là giai đoạn phát triển cao nhất trong lịch sử phát triển xã hội loài người, trong đó thì xã hội chủ nghĩa là giai đoạn đầu.

Cùng với vấn đề giai cấp thì vấn đề dân tộc luôn mang nội dung quan trọng có ý nghĩa chiến lược trong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, vấn đề dân tộc là một bộ phận của những vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản. Do đó, giải quyết vấn đề dân tộc phải gắn với cách mạng vô sản và trên cơ sở của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng nhấn mạnh rằng, khi xem xét và giải quyết vấn đề dân tộc phải đáp ứng vững trên lập trường giai cấp công nhân. Điều đó cũng có nghĩa là việc xem xét và giải quyết vấn đề dân tộc phải trên cơ sở và vì lợi ích cơ bản, lâu dài của cả dân tộc. Có thể thấy rằng, việc giải quyết vấn đề dân tộc sẽ mang ý nghĩa quan trọng quyết định đến sự ổn định, phát triển hoặc ngược lại là sự tan rã, đổ vỡ và hừng khoảng của một quốc gia. Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng khoá IX xác định: “ Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề cơ bản lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng việt nam” trích văn kiện HN lần thứ 7 của ban chấp hành trung ương đảng. Vậy thì quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước Việt Nam trong thời kì quá độ lên Xã hội Chủ nghĩa đã mang lại những gì?

Vì vậy em chọn: “Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về vấn đề dân tộc và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước Việt Nam trong kì quá độ lên xã hội chủ nghĩa “ làm đề tài của mình.

## PHẦN 1. LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA MÁC VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

### 1.1. Khái niệm, đặc trưng, xu hướng dân tộc

#### 1.1.1. Khái niệm

Dân tộc có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng cho đến nay thì có hai nghĩa được dùng phổ biến nhất là:

Thứ nhất, chỉ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung có ngôn ngữ riêng và các nét văn hóa đặc thù xuất hiện sau bộ lạc bộ tộc và kế thừa phát triển cao hơn nhân tố tộc người ở bộ lạc bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó. Theo nghĩa này dân tộc được hiểu như một tộc người hay một bộ tộc. Với nghĩa hiểu như thì hiện đang có 54 dân tộc như dân tộc Kinh, dân tộc Thái...

Thứ hai, chỉ một cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước, lãnh thổ quốc gia nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức vì sự thống nhất của mình gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị kinh tế trên thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Hiểu theo nghĩa này thì dân tộc là nhân dân của một quốc gia. Ví dụ dân tộc Trung Hoa, Dân tộc Ấn Độ...

Ta có thể thấy, dưới nghĩa thứ nhất dân tộc là một bộ phận của quốc gia; với nghĩa thứ hai dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó. Theo như môn học chủ nghĩa xã hội khoa học dân tộc được hiểu theo nghĩa thứ nhất nhưng muốn bộc lộ được đầy đủ sắc thái nội dung thì cần đặt nó bên cạnh nghĩa thứ hai, trong mối quan hệ với nghĩa thứ hai.

#### 1.1.2. Những đặc trưng để nhận diện dân tộc

Dân tộc chủ yếu được nhận biết thông qua những đặc trưng chủ yếu sau đây:

Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế. Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc. Các mối quan hệ kinh tế là cơ sở liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc, tạo nên nền tảng vững chắc của cộng đồng dân tộc.

Có thể cư trú tập trung trên một vùng lãnh thổ của một quốc gia, hoặc cư trú đan xen với nhiều dân tộc anh em. Vận mệnh dân tộc một phần rất quan trọng gắn với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ đất nước.

Có ngôn ngữ riêng và có thể có chữ viết riêng (trên cơ sở ngôn ngữ chung của quốc gia) làm công cụ giao tiếp trên mọi lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, tình cảm...

Có nét tâm lý riêng (nét tâm lý dân tộc) biểu hiện kết tinh trong nền văn hoá dân tộc và tạo nên bản sắc riêng của nền văn hoá dân tộc, gắn bó với nền văn hoá của cả cộng đồng các dân tộc (quốc gia dân tộc).

Khi xét về khái niệm và đặc trưng của dân tộc cần thấy rằng khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia gắn bó chặt chẽ với nhau. Vì dân tộc ra đời trong một quốc gia nhất định, thông thường thì những nhân tố được hình thành chín muồi không tách ra khỏi những nhân tố hình thành quốc gia chúng bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau.

### *1.1.3. Xu hướng của sự phát triển các dân tộc*

Trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản khi nghiên cứu về vấn đề dân tộc và phong trào dân tộc, V.I Lenin đã phát hiện hai xu hướng khác nhau của sự phát triển dân tộc.

Xu hướng thứ nhất, trong thời kì tư bản chủ nghĩa ở các quốc gia có nhiều cộng đồng dân cư có nguồn gốc khác nhau làm ăn sinh sống. Đến một thời kì nào đó khi mà các tộc người đó có sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra thành lập các dân tộc độc lập. Trong thực tế, xu hướng này đã biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc, thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản và vẫn còn tác động trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Xu hướng thứ hai, sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản. Chính vì vậy, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

Vì vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc có điều kiện để thể hiện đầy đủ chỉ trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, khi chế độ người bóc lột người bị xoá bỏ thì tình trạng dân tộc này áp bức, đô hộ các dân tộc khác mới bị xoá

#### *1.1.4. Cương lĩnh*

“Cương lĩnh dân tộc” được khái quát dựa trên cơ sở tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về vấn đề dân tộc gồm ba nội dung chủ yếu:

##### \* Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Các dân tộc bình đẳng nghĩa là trong các sinh hoạt kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội các dân tộc có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp, không phân biệt chủng tộc màu da.... Đây là quyền thiêng liêng của mọi dân tộc là mục tiêu phấn đấu của các dân tộc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc giải phóng gia cấp, giải phóng xã hội.

Theo Lenin bình đẳng dân tộc thực chất là xoá bỏ tình trạng người bóc lột người, ý nghĩa thực sự của việc đòi quyền bình đẳng chung quy chỉ là đòi thủ tiêu giai cấp. Từng bước khắc phục sự phát triển chênh lệch giữa các dân tộc. Tạo điều kiện cho các dân tộc có trình độ lạc hậu bằng sự nỗ lực của chính mình và sự giúp đỡ của các dân tộc anh em, phát triển nhanh trên con đường tiến bộ. Vì vậy để thực hiện được quyền bình đẳng giữa các dân tộc cần thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp trên cơ sở xoá bỏ tình trạng nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác.

Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc.

##### \* Các dân tộc được tự quyết

Quyền tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc đó. Có thể thấy rằng quyền tự quyết trước hết được thể hiện ở lĩnh vực chính trị.

Quyền tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng dân tộc độc lập vì lợi ích của dân tộc và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Quyền tự quyết cũng là quyền cơ bản, thiêng liêng của các dân tộc. Thực hiện quyền tự quyết dân tộc cũng chính là thực hiện nội dung quyền bình đẳng dân tộc trên lĩnh vực chính trị. Khi xem xét và giải quyết vấn đề dân tộc tự quyết phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân.

**\* Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc**

Nội dung này phản ánh mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề. giai cấp , phản ánh sự thống nhất về bản chất phong trào đấu tranh giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Đồng thời cũng xuất phát từ bản chất quốc tế của giai cấp vô sản trong quá trình đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của mình. Đây là sự liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống áp bức giai cấp và áp bức dân tộc , vì sự giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Đây là nội dung cơ bản trong cương lĩnh , là cơ sở, điều kiện để bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết dân tộc. Quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết dân tộc không phải tự nhiên mà có và đương nhiên được thực hiện, mà chúng là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân các dân tộc, chống mọi thế lực xâm lược và áp bức dân tộc. Đồng thời việc thực hiện quyền bình đẳng quyền tự quyết dân tộc cũng tùy thuộc vào kết quả của cuộc đấu tranh khắc phục trở ngại to lớn trong dân cư các cộng đồng dân tộc - thái độ kỳ thị, lòng thù hận dân tộc.

## **1.2. Quan điểm và chính sách của đảng và nhà nước Việt Nam**

### **1.2.1. Quan điểm**

Từ khi thành lập cho đến nay, Đảng và Nhà nước đã dành rất nhiều sự quan tâm đến vấn đề dân tộc. Trên cơ sở nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, cùng với việc xem xét tình hình, đặc điểm của cộng đồng các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra và triển khai hàng loạt chủ trương, chính sách dân tộc, góp phần quan trọng tạo nên sự ổn định, phát triển của các dân tộc.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản lâu dài và cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Tất cả 54 dân tộc trong ngôi nhà chung Việt Nam cần phải bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng nhau đoàn kết phấn đấu thực hiện sự nghiệp cách mạng để phát triển đất nước giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh đồng thời đẩy lùi mọi âm mưu xảo trá nhằm chia rẽ nội bộ dân tộc của kẻ thù. Trên cơ sở hình thành niềm tự hào tự tôn dân tộc thì chủ nghĩa yêu nước đã trở thành truyền thống ăn sâu vào lòng mỗi người dân ở mọi dân tộc trên toàn đất nước Việt Nam. Thực tế cũng cho thấy rằng chỉ có chủ nghĩa yêu nước mới đoàn kết toàn dân tộc về mọi mặt, yếu tố đó đã liên kết tạo nên một cộng đồng chung. Cộng đồng mang tính quốc gia đó đã được hình thành bền vững và củng cố trong suốt một quá trình lịch sử lâu dài. Dân cư nhiều dân tộc còn hình thành một ý thức sâu sắc về cộng đồng chung chúng ta có thể thấy dù nhiều hay ít họ đều có nét tương đồng “tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Và từ khi có sự lãnh đạo của Đảng mà tình nghĩa các dân tộc anh em không những được củng cố bền vững mà còn nâng cao thêm. Phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn dân tộc miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế và giải quyết chu toàn các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; cùng với việc chăm lo xây dựng đất nước đồng thời còn bồi dưỡng nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ cán bộ. Ưu tiên phát triển kinh tế các vùng dân tộc Miền núi, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo,...đồng thời, công tác về dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.



### *1.2.2. Chính sách:*

Về chính trị: thực hiện việc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc để thống nhất mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Về kinh tế: phát triển kinh tế xã hội miền núi, miền dân tộc, nhằm phát huy tiềm năng và kéo gần lại khoảng cách chênh lệch giữa các vùng dân tộc thúc đẩy đến quá trình phát triển kinh tế đất nước bằng cách thực hiện chiến lược phát triển kinh tế ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng.

Về văn hóa: xây dựng văn hóa Việt Nam tiên tiến mang đậm bản sắc dân tộc, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở các cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào, dân tộc, đào tạo và mở rộng giao lưu văn hóa giữa các quốc gia

Về xã hội: Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội ở vùng dân tộc; từng bước thực hiện bình đẳng, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế xã hội trên mọi mặt phát huy vai trò chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị ở miền núi và dân tộc.

Về an ninh quốc phòng: Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên địa bàn, tăng cường mối quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân nơi vùng dân tộc.

## **PHẦN LIÊN HỆ**

### **2.1. Đối với thế giới**

Hiện nay, người ta chưa thống kê được chính xác trên thế giới có bao nhiêu dân tộc (tộc người, theo bốn tiêu chí trên), nhưng theo một số nhà khoa học, con số đó khoảng vài ngàn. Về quốc gia dân tộc, trên thế giới ngày nay có hơn 200 nước và vùng lãnh thổ, có dân số và diện tích, trình độ phát triển kinh tế rất khác nhau. Sự việc Trung Quốc tạo đảo nhân tạo đưa dân sang lập chính quyền xây dựng dàn khoan HD 981 quyền tấn công tàu cá của Việt Nam làm thay đổi cục diện chính trị tại đó là việc làm trái phép, khiến cho các tầng lớp nhân dân phản đối, vì nó đang xâm phạm tới lãnh thổ và quyền lợi dân tộc.

Biển đảo là chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, không thể lực thù địch nào có thể xâm chiếm được. Thế nên trước tình hình đó việc Trung Quốc đặt giàn khoan Hải Dương 981 và lập đảo nhân tạo đưa dân sang sinh sống ở vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta đã dấy lên một làn sóng phẫn nộ và bức xúc đối với người dân trong và ngoài nước.

Những bài học kinh nghiệm được đúc rút từ sự kiện Trung Quốc mang dân sang sinh sống, lập dàn khoan và những sự kiện lịch sử quan trọng khác trong quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam luôn mang tính thời sự và có ý nghĩa sâu sắc trong bối cảnh hiện nay. Với quan điểm xuyên suốt của Đảng ta là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trên biển để phát triển các lĩnh vực kinh tế biển, nhưng cũng phải kiên quyết, kiên trì trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, nhất là đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo còn gian lao, khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển đảo của chúng ta nhất định thắng lợi

## 2.2. Đối với sự việc trong nước

Thời kỳ trước đổi mới ở Việt Nam cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa đã đồng nhất sở hữu với tư cách là một quan hệ pháp lý với sở hữu là quan hệ kinh tế khách quan; tách quan hệ sở hữu với quan hệ tổ chức, quản lý và quan hệ phân phối; nhấn mạnh quan hệ sản xuất, mà cơ bản là quan hệ sở hữu, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển; không phân biệt rõ hai nhóm quyền: Quyền sở hữu và quyền quản lý kinh doanh; từng giải quyết vấn đề sở hữu bằng những biện pháp hành chính đơn thuần nhằm “tước đoạt”, “xóa” sở hữu cũ, tạo dựng sở hữu mới một cách duy ý chí, trái quy luật khách quan... Tư duy của Đảng và Nhà nước ta về cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất cũ mới và chế độ xã hội mới cũng đã trải qua những bước thăng trầm. Chúng ta đã không tuân thủ những chỉ dẫn của C. Mác và Ph. Ăngghen về xóa bỏ chế độ tư hữu nên đã có tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí muốn xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân trong một thời gian ngắn, cho rằng quốc doanh hóa, tập thể hóa càng nhanh, càng nhiều thì càng mau chóng có Chủ nghĩa xã hội, nhưng trên thực tế không phải như vậy.

Bước vào công cuộc đổi mới năm 1986, với tinh thần “... nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật. Cùng với việc đánh giá đúng những thành tích đã đạt được,... chúng ta chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm” để “thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy. Phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng phát triển chung của xã hội”. Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986) đã chỉ rõ: “Mười năm qua, hai kỳ đại hội Đảng đều ghi vào nghị quyết nhiệm vụ căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ đại hội đó, song đều chưa thực hiện được. Nay phải sửa chữa lại cho đúng như sau: đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội với

những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất “.

Theo đó, Đảng ta đã nhận thức và vận dụng đúng đắn hơn quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất; thực hiện chính sách nhất quán lâu dài phát triển nền kinh tế quá độ với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; phân biệt rõ quan hệ sở hữu và quan hệ chiếm hữu; chủ thể sở hữu, đối tượng sở hữu...; nội dung kinh tế và nội dung pháp lý của sở hữu; chế độ sở hữu, loại hình sở hữu, hình thức sở hữu; quyền sở hữu và quyền sử dụng (quyền sản xuất - kinh doanh); thể chế sở hữu và hoàn thiện thể chế sở hữu trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, trước yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn hiện nay, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện các vấn đề về sở hữu trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là hoàn thiện khung khổ lý luận để thống nhất nhận thức về sở hữu và hoàn thiện thể chế sở hữu trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, theo hướng giải phóng sức sản xuất, giải phóng mọi nguồn lực của xã hội để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm tính đa dạng một cách lâu dài của các hình thức sở hữu; tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các chủ thể sở hữu, nhất là chủ thể là Nhà nước.

Thứ nhất, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các bộ quy tắc, luật lệ để xác định chủ sở hữu, đối tượng sở hữu; phạm vi quan hệ sở hữu, hình thức sở hữu và chế độ sở hữu; lợi ích của chủ sở hữu và người sử dụng; các quy tắc điều chỉnh, công cụ điều chỉnh và chế định các hành vi chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối tượng sở hữu. Đó là tiếp tục hoàn thiện thể chế: quyền tài sản của công dân và doanh nghiệp; tài sản công và tài sản công tại doanh nghiệp; sở hữu, sử dụng đất đai và các tài nguyên khác và thể chế về sở hữu trí tuệ ...

Thứ hai, hoàn thiện vị trí, vai trò, chức năng, năng lực, quyền tài sản, nguyên tắc sử dụng quyền tài sản; nguyên tắc bảo vệ quyền sở hữu và lợi ích của chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu; nguyên tắc sử dụng tài sản và phương thức thực hiện lợi ích của các chủ thể tham gia.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, cách thức tổ chức, thiết chế và các quy tắc, thủ tục cho các tổ chức khi giải quyết tranh chấp về lợi ích phát sinh từ quyền sở hữu để đạt mục đích của các chủ thể.

Phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong quản lý kinh tế, năng lực quản lý của Nhà nước và quản trị doanh nghiệp.

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; phát huy vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Quản lý tốt sự phát triển xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; thực hiện tốt chính sách với người có công nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống của nhân dân; thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm, thu nhập; xây dựng môi trường sống lành mạnh, văn minh, an toàn.

## KẾT LUẬN

Việt Nam đã giải quyết được một số về vấn đề dân tộc do các quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn, việc giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta có được sự đồng thuận, quyết tâm cao giữa Đảng, Nhà nước và đồng bào các dân tộc. Thực tế đó đã và đang là một đảm bảo vững chắc để ngăn ngừa và đập tan các âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc của các thế lực thù địch, chống phá đường lối dân tộc của Đảng và Nhà nước ta; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay và đã đạt được những thành quả rất đáng khích lệ, tạo ra được một nền tảng cơ bản để công tác dân tộc ngày càng được thực hiện có hiệu quả cao hơn, toàn diện hơn.

Tăng cường giao lưu và đẩy mạnh quá trình xây dựng văn hóa theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và sắc thái tộc người. Trong lĩnh vực y tế, trước hết cần đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và xây dựng đội ngũ y bác sĩ cho các trung tâm y tế cơ sở để đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của đồng bào. Về an sinh xã hội, cần xây dựng mạng lưới an sinh nhiều tầng để hạn chế tình trạng đói, thiếu lương thực và tái nghèo.

Trong đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc vào mục đích xấu, cần đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền vận động. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện các chính sách dân tộc, qua đó củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng.

Tiếp tục quán triệt và xử lý tốt các quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường.

Về kinh tế, vùng đồng bào DTTS có những bước phát triển tiến bộ rõ rệt, đời sống đồng bào được nâng lên, diện mạo vùng DTTS khởi sắc với hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện.. Nền kinh tế đã chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống người dân.

Về chính trị, quyền bình đẳng giữa các dân tộc theo quy định của Hiến pháp được thể hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các dân tộc chung sống hòa hợp, đồng thuận, tôn trọng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và đều tích cực tham gia vào quá trình phát triển đất nước.

Về văn hóa, sự nghiệp phát triển văn hóa vùng đồng bào DTTS thu được nhiều kết quả. Thiết chế văn hóa ngày càng hoàn thiện. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS được bảo tồn và phát huy.

Về phát triển xã hội, sự nghiệp giáo dục và chăm sóc sức khỏe đồng bào DTTS có bước phát triển mới. Các chính sách về giáo dục, đào tạo, chế độ cho giáo viên và học sinh được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng đã tạo điều kiện nâng cao chất lượng dạy và học, thu hút con em đồng bào DTTS đến trường.

Về quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và quốc phòng, an ninh vùng DTTS cơ bản được bảo đảm, quan hệ giữa các dân tộc được củng cố. Các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch kịp thời được ngăn chặn, việc truyền đạo trái pháp luật được kiểm soát, an ninh được duy trì, biên giới được bảo vệ.

Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc, đã tăng cường phối hợp với các đối tác quốc tế trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác dân tộc; khuyến khích việc giúp đỡ, hỗ trợ đầu tư phát triển vùng DTTS. Hoạt động tuyên truyền đối ngoại, tổ chức giao lưu, kết nghĩa giữa nhân dân của nước ta với các nước láng giềng được chú trọng, góp phần tăng cường đoàn kết, hữu nghị hai bên biên giới, xây dựng biên giới hòa bình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### *Tài liệu Tiếng Việt :*

Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học của Học viện Chính trị quốc gia  
TS. Nguyễn Lâm Thành - PGS.TS. Lê Ngọc Thắng, Vấn đề dân tộc ở Việt  
Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, Tạp chí Cộng sản, số 874 (8-2015)

### *Tài liệu trực tuyến :*

[Giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay \(tcnn.vn\)](#) truy cập  
03:37 ngày 27/03/2019

<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/495538/ve-dinh-huong-va-giai-phap-gop-phan-hoan-thien-ly-luan-ve-dan-toc-o-nuoc-ta> truy cập  
ngày 25/06/2019

<http://tuyengiao.vn/tu-lieu/huong-dan-chi-dao/huong-dan-chi-tiet-chuyen-de-van-de-dan-toc-va-chinh-sach-dan-toc-105830> truy cập ngày 14/10/2017

[Vấn dụng lý luận về sở hữu của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Tạp chí Cộng sản \(tapchicongsan.org.vn\)](#) truy cập  
17/06/2020